TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 98/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27-7-2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Quế
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Chính
2. Ông Nguyễn Thế Anh

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Phượng Kiều, là Thư ký Toà án nhân dân huyện Thới Bình.

Trong ngày 27 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 267/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn , sinh năm 1969 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau
2. Bị đơn: Bà Huỳnh Hồng T, sinh năm 1970 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn là ông Nguyễn Văn K trình bày:*

Về hôn nhân: Ông K và bà T tìm hiểu và tiến tới hôn nhân vào năm 2009. Đến ngày 29/3/2010, đôi bên mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Vào năm 2017, ông K và bà T được con gái bảo lãnh qua Hàn Quốc để làm thuê. Không biết vì sao mà bà T đuổi ông K về nước. Vào thời điểm hết hạn bảo lãnh, bà T còn yêu cầu Công an Hàn Quốc trục xuất ông K về Việt Nam. Ông K về Việt Nam từ ngày 08/3/2018 và sống ly thân với bà T đến nay. Quá trình chung sống, bà T không tôn trọng, không bàn bạc với ông K trong công việc làm ăn. Xét thấy tình cảm không còn, ông K yêu cầu được ly hôn đối với bà T.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1990 đã trưởng thành, nên ông K không có yêu cầu giải quyết việc nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

** Bà Huỳnh Hồng T trình bày:*

Bà T thống nhất với ông K về thời điểm chung sống, đăng ký kết hôn và con chung.

Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Bà T không biết nguyên nhân vì sao ông K yêu cầu ly hôn. Vợ chồng đang làm thuê tại Hàn Quốc, thì ông K đột ngột về nước trước bà T. Bà T không có đuổi ông K về nước như ông K trình bày. Bà T trở về Việt Nam từ ngày 08/3/2018 và sống ly thân với ông K đến nay. Quá trình chung sống, vợ chồng còn có mâu thuẫn chuyện tiền bạc, ông K xúc phạm bà T, đánh bà T nhiều lần. Ông K còn chung sống với người phụ nữ khác. Trước yêu cầu ly hôn của ông K, bà T yêu cầu cho bà 01 thời gian 10 ngày, kể từ ngày 18/6/2018, để suy nghĩ.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay:

Ông K vẫn bảo lưu ý kiến như đã được trình bày trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn là bà T được triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bà T.

[2] Ông K và bà T có đăng ký kết hôn theo quy định, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Ông K cương quyết xin ly hôn, còn bà T, đã hết thời gian 10 ngày (kể từ ngày 18/6/2018) suy nghĩ, nhưng đến nay không có ý kiến gì khác. Mặt khác, xét thấy, hai người thừa nhận có xảy ra mâu thuẫn, quá trình chung sống, hai người không tôn trọng, xúc phạm, thậm chí còn có hành vi bạo lực gia đình. Và thực tế, hai người sống ly thân từ ngày 08/3/2018 đến nay. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa hai người có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của ông K được ly hôn đối với bà T.

[3] Các đương sự có 01 người con chung đã trưởng thành, nên không xem xét.

[4] Các đương sự không có tài sản chung và nợ chung, nên không xem xét.

[5] Ông K là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Phần ông K tạm ứng án phí được khấu trừ.

[6] Ông K có mặt tại phiên tòa, nên thời hạn kháng cáo được tính từ ngày tuyên án. Bà T vắng mặt, nên thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 147, khoản 3 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vắng mặt bà Huỳnh Hồng T.

2. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn K được ly hôn với bà Huỳnh Hồng T.

3. Ông K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Phần ông K nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005388 ngày 09/4/2018 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình phát hành được khấu trừ.

4. Ông K được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- Phòng KTNV&THA TAnd tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
-UBND xã Hồ Thị Kỷ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Trọng Quế